

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Bệnh viện Đa khoa thị xã Bỉm Sơn (nâng quy mô từ 90 giường bệnh lên 170 giường bệnh) tại phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án xác định quy mô giường bệnh, vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc của Bệnh viện Đa khoa thị xã Bỉm Sơn thực hiện theo cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018-2020;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án: Bệnh viện Đa khoa thị xã Bỉm Sơn (nâng quy mô từ 90 giường bệnh lên 170 giường bệnh) tại phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Bệnh viện Đa khoa thị xã Bỉm Sơn, nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 113/CV-BVBS ngày 15/9/2021 của Bệnh viện Đa khoa thị xã Bỉm Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 966/Tr-STNMT ngày 12/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Bệnh viện Đa khoa thị xã Bỉm Sơn (nâng quy mô từ 90 giường bệnh lên 170 giường bệnh) tại phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Bệnh viện Đa

khoa thị xã Bim Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án), với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 15/9/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa thị xã Bim Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Bệnh viện Đa khoa thị xã Bỉm Sơn (nâng quy mô từ 90 giường bệnh lên 170 giường bệnh) tại phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

Dự án Bệnh viện Đa khoa thị xã Bỉm Sơn (nâng quy mô từ 90 giường bệnh lên 170 giường bệnh) tại phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa thị xã Bỉm Sơn

- Đại diện chủ dự án: Ông Tống Lê Bách

- Chức vụ: Giám đốc

- Phương tiện liên lạc: 02378.979.006

- Địa chỉ trụ sở: phố 1, phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Quy mô: Nâng quy mô từ 90 giường bệnh lên 170 giường bệnh.

+ Tổng diện tích đất thực hiện dự án: 15.623,6m², bao gồm các hạng mục công trình sau: Nhà khám, cấp cứu, hành chính; Nhà khoa sản; Nhà điều trị nội trú; Nhà mổ; Nhà kiểm soát nhiễm khuẩn; Nhà khoa truyền nhiễm; Nhà khoa chẩn đoán hình ảnh và các công trình phụ trợ như: bể nước, nhà kho, trạm xử lý nước thải,....

2. Các tác động môi trường chính khi bệnh viện đi vào hoạt động ổn định

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải

- *Nước thải sinh hoạt*: Phát sinh từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh cá nhân, từ hoạt động ăn uống có lưu lượng 49,2 m³/ngày.đêm (trong đó, nước thải từ nhà vệ sinh: 17,6 m³/ngày.đêm; nước tắm rửa, giặt giũ: khoảng 24,6 m³/ngày.đêm; nước thải từ nhà ăn: 7,0 m³/ngày.đêm). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- *Nước thải y tế*: Phát sinh từ quá trình khám chữa bệnh tại các khoa phòng với lưu lượng 21,0 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: NH₄⁺, Sulfua, BOD, COD, TSS, Coliform....

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong hoạt động của các phương tiện ra vào bệnh viện; hoạt động của bệnh viện; hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thành phần chủ yếu: Bụi, NO₂; SO₂; CO₂,...

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- *Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 172,9kg/ngày.đêm* từ quá trình vệ sinh buồng bệnh và khoa dinh dưỡng (thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, vỏ

rau quả, túi nilon,...) và Phòng hành chính (thành phần chủ yếu: Giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng carton, túi nilon, túi đựng phim,...).

- *Chất thải y tế thông thường phát sinh khoảng 19,2 kg/ngày.đêm.* Thành phần chủ yếu: Chai lọ truyền dịch bằng nhựa, thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- *Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm gồm:* Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn chứa các vật phẩm y tế mang các vi khuẩn, vi trùng gây bệnh,... có khối lượng khoảng 34,0 kg/tháng.

- *Chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm gồm:* dược phẩm hết hạn sử dụng và vỏ lọ hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; bóng đèn neon bị hỏng, pin, ắc quy, dẻ lau dính dầu, mỡ,... khoảng 5,0 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

* *Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

Nước mưa chảy tràn trên mái và trong khuôn viên bệnh viện được thu gom bằng đường ống riêng, sau đó dẫn vào mương thu gom nước thải chung của Bệnh viện, có chiều dài khoảng $L = 574,0$ m, có nắp đậy bằng tấm đan bê tông; trên hệ thống mương rãnh thoát nước mưa có bố trí hố ga lắng cặn, số lượng 26 hố ga, kích thước: 1,0m x 1,0m x 1,0m) trước khi thải ra mương thoát nước chung của khu vực.

* *Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải bệnh viện:*

- Nước thải từ quá trình tắm rửa: Được thu gom về các đường ống, dẫn nước qua các hố ga bố trí tại các khu nhà trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 100 m³/ngày đêm của Bệnh viện để xử lý.

- Nước thải từ khu vệ sinh: Được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (06 bể với tổng thể tích $V = 120$ m³), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nhà ăn: Được thu gom về các đường ống, dẫn nước qua các hố ga bố trí tại khu nhà khoa dinh dưỡng trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 100 m³/ngày đêm của Bệnh viện để xử lý.

- Nước thải y tế: Được thu gom bằng đường ống dẫn nước về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện để tiếp tục xử lý.

Sơ đồ xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 100 m³/ngày đêm như sau:

Nước thải → Ngăn tách cát, rác → Bể điều hòa/Khử Nitơ → Bể hiếu khí (có vật liệu đệm di động) → Bể tách nước tuần hoàn → ngăn lọc sinh học → Ngăn khử trùng → Ngăn thu nước sau xử lý → Hệ thống thoát nước chung khu vực → sông Tam Điệp.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực và dẫn ra sông Tam Điệp.

3.2. Về bụi, khí thải:

- Lắp đặt hệ thống quạt, điều hòa, quạt thông gió,... tại các phòng khám, chữa bệnh, phòng làm việc; chụp hút tại khu vực nhà bếp; quạt hút mùi tại các phòng vệ sinh,...

- Thường xuyên vệ sinh, sát khuẩn các khoa phòng, khuôn viên bệnh viện; thay thế những nắp cống hỏng; định kỳ tiến hành nạo vét cống rãnh thoát nước hạn chế sự phát tán mùi ra môi trường xung quanh.

- Các labo xét nghiệm, kho hóa chất, dược phẩm phải bố trí hệ thống thông khí cục bộ và xử lý khí độc như chụp hút, tủ hút...

- Sử dụng thêm các chế phẩm vi sinh xử lý mùi hôi, khử khuẩn như: Enchoice, EM, CloraminB,... Các chế phẩm vi sinh được phun trực tiếp vào các nguồn có khả năng phát sinh mùi, các khu vệ sinh, khu tập kết rác thải. Với ước tính khối lượng hóa chất khử trùng, sát khuẩn bệnh viện định kỳ 01 tuần/lần và 2,0kg/lần.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của bệnh viện được thu gom, phân loại theo Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường: Tại các khoa phòng sử dụng 30 thùng đựng rác các loại 15 lít/thùng và 20 thùng đựng rác loại 120 lít/thùng bằng composit đặt tại các hành lang các nhà khám, chữa bệnh, khu vực nhà bếp..., toàn bộ rác thải được thu gom, lưu chứa tại kho chứa chất thải (có diện tích 20,9m²) tại góc phía Tây Bắc dự án; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 02 lần/ngày.

- Chất thải y tế thông thường được thu gom vào 10 thùng đựng rác các loại 15 lít/thùng và 5 thùng đựng rác loại 120 lít/thùng bằng composit đặt tại các hành lang các nhà khám, chữa bệnh, toàn bộ rác thải được thu gom, lưu chứa bằng 06 xe đẩy tay thể tích 0,45m³ về kho chứa chất thải (có diện tích 20,9m²) tại góc phía Tây Bắc dự án; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải y tế thông thường phục vụ mục đích tái chế (như dây truyền dịch; chai lọ truyền dịch; chai lọ thủy tinh không chứa chất độc hại, chất lây nhiễm...) được lưu giữ riêng trong 05 thùng chứa loại 240 lít tại kho chứa chất thải (có diện tích 20,9m²) tại góc phía Tây Bắc dự án và bán cho đơn vị thu mua tái chế theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm không sắc nhọn được thu gom vào 20 thùng đựng rác bằng nhựa loại 15 lít sau đó tập trung vào 05 thùng chứa (240 lít) đặt tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 26,6 m²; Chất thải giải phẫu được thu gom vào 01 hộp nhựa có dán nhãn (5 lít/hộp); toàn bộ rác thải này sau

đó hợp đồng với Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm sắc nhọn (kim tiêm, lưỡi dao mổ,...) được thu gom riêng vào 25 hộp an toàn màu vàng (3 lít/hộp) tại các xe tiêm sau đó thu gom tập trung về 05 hộp màu vàng (loại 20 lít/hộp) đặt tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 26,6 m²; định kỳ cô lập vào các bể bê tông, khi đầy bể sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm như: dược phẩm hết hạn sử dụng và vỏ lọ hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; pin, ác quy, bóng đèn neon hỏng... được lưu trữ trong các thùng chứa rác thải nguy hại (240 lít) có ghi nhãn riêng biệt đặt tại kho chứa chất thải nguy hại; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động các tia bức xạ từ khoa chẩn đoán hình ảnh

- Các thiết bị chụp X-quang, Phòng chiếu chụp X-quang được xây dựng theo đúng tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 365:2007 - Tiêu chuẩn thiết kế Bệnh viện đa khoa. cụ thể: Trần, tường, cửa ra vào các phòng chiếu, chụp được ốp bằng vật liệu cản tia bức xạ X, cánh cửa làm bằng vật liệu chì; định kỳ kiểm tra mức độ hoạt động an toàn của máy X - quang. Nhân viên vận hành máy được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và được khám sức khỏe định kỳ.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Giám sát môi trường không khí

- *Chỉ tiêu giám sát:* Bụi, SO₂, NO₂, NH₃, H₂S.

- *Vị trí giám sát:*

+ KK1: Khu vực XLNT tập trung của Bệnh viện.

+ KK2: Khu vực thu gom, tập kết chất thải rắn của Bệnh viện.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 02:2019/BYT về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b. Giám sát môi trường nước

- *Thông số giám sát:* pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, Sulfua, dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- *Vị trí giám sát:*

+ NT1: Mẫu nước thải đầu vào của HTXLNTTT;

+ NT2: Mẫu nước thải đầu ra của HTXLNTTT trước khi thải ra môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 28:2010/BTNMT, cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

c. Giám sát tổng lượng thải

- *Các vấn đề cần giám sát*:

- + Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ rác thải sinh hoạt;
- + Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải nguy hại;
- + Lập sổ theo dõi, thống kê khối lượng từng loại chất thải nguy hại;

- *Vị trí giám sát*:

- + Tại khu vực lưu trữ rác thải của Bệnh viện.
- + Tại các khoa, phòng của Bệnh viện./.